

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT

Ngày: 21-01-2022

V/v “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Vân**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Sanh Hiền**.

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Cửu Trọng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Thanh Triều** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLPT-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST, ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Thành C**, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp HH, xã VBB, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Quang Á** - Văn phòng Luật sư Quang Á, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang và Luật sư **Dương Thị H** – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. (Đều có mặt).

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã VBB.

Địa chỉ: ấp HH, xã VBB, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Thanh V** - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồ Văn M** - Chức vụ: Phó Chủ tịch, theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2020 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 (Có đơn xin vắng mặt).
2. NLQ2 (Có mặt).
3. NLQ3 (vợ NLQ2, Có đơn xin vắng mặt).
4. NLQ4 (Có mặt).
5. NLQ5 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Ông **Lê Thành C**, sinh năm 1956, theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019 (có mặt).

6. NLQ6 (Có đơn xin vắng mặt) .
7. NLQ7 (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Thành C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Thành C trình bày: Trước đây, ông NLQ2 (thường gọi ông Sáu TB) có căn nhà tại chợ KM. Năm 1992, NLQ2 thiếu nợ nhiều người không trả được, trong đó có ông Trần Văn S (cha NLQ4), nhiều người xiết nợ nên NLQ2 phải đi lánh mặt; khi đi NLQ2 viết tờ giấy giao tài sản lại cho chính quyền ấp HH để quản lý và xử lý tài sản trả nợ cho NLQ2. NLQ6 là Bí thư Chi bộ ấp HH kêu ông C cho mượn tạm số tiền 6.850.000 đồng để trả cho ông S và lấy nhà NLQ2 làm trụ sở ấp để hoạt động, sau đó sẽ xin ngân sách của Ủy ban nhân dân xã VBB trả lại cho ông C. Đến nay, Ủy ban nhân dân xã chưa chi trả lại số tiền mượn của ông C nên ông yêu cầu Ủy ban nhân dân xã VBB trả đất, căn nhà mà NLQ2 để lại có trên đất và các tài sản trong nhà gồm: 02 cái tủ, 01 cái bàn, 06 cái ghế, 01 bộ li quăng, 01 bộ cửa trước.

Ông C yêu cầu UBND xã trả phần đất đo thực tế theo bản vẽ, nếu có nhu cầu sử dụng thì thỏa thuận với ông C. Ông C đưa ra giá các tài sản như sau: Giá trị đất 500.000.000 đồng; nền xi măng 25.000.000 đồng; căn nhà 30.000.000 đồng (trong đó: lợp tol, cây tràm là 25.000.000 đồng và vách lá 5.000.000 đồng); bộ cửa 15.000.000 đồng; 02 cái tủ 30.000.000 đồng; 01 bàn chữ U 10.000.000 đồng; 06 cái ghế 6.000.000 đồng; 01 bộ ly quăng 15.000.000 đồng.

Bị đơn Ủy ban nhân dân (Ủy ban nhân dân, sau đây được viết tắt là UBND) xã VBB trình bày: Phần đất này UBND xã trực tiếp quản lý. Đảng ủy và UBND xã VBB không chỉ đạo mượn tiền ông C trả cho ông S. Khi NLQ2 và ông D (bà Ph) thiếu nợ bỏ địa phương đi thì năm 1995 UBND xã tiếp quản 02 căn nhà của NLQ2 và ông D. Lúc bấy giờ UBND xã bán căn nhà của NLQ2 cho ông Đỗ Thành C (cha của ông Đỗ Minh L) và lấy tiền bán nhà trả cho ông S. Khi nhận nhà thì ông C nói nhà NLQ2 làm thầy bà nên xin hoán đổi nhà đã mua của NLQ2 qua nhà ông (nhà bà Ng hiện nay), không lấy nhà NLQ2. Năm 1996, nhà của NLQ2 được làm trụ sở của Hội đồng bảo vệ an ninh trật tự, sau đó làm trụ sở ấp HH. Đất là do xã quản lý, không thuộc sở hữu của cá nhân ai, đây là đường vào chợ phục vụ cho Nhân dân. Căn nhà được xã sử dụng nhiều năm làm

trụ sở, đã nhiều lần sửa chữa, sau này đã hư hỏng nặng. Còn các tài sản trong nhà thì UBND xã không biết. Trước đây để phân đấu đạt xã nông thôn mới theo tiêu chí thì xã phải có chợ, nên năm 2015 UBND huyện và UBND xã thống nhất giao mặt bằng cho Công ty đầu tư chợ phía sau phần đất ông C yêu cầu, lấy phần đất này làm đường đi công cộng vào chợ. Nhưng việc giao mặt bằng cho Công ty không qua đấu thầu là chưa đúng quy trình thủ tục nên không được UBND tỉnh chấp nhận, từ đó việc thành lập chợ này ngưng lại phải làm thủ tục từ đầu. UBND xã thấy yêu cầu của ông C là không có cơ sở nên không chấp nhận theo yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *NLQ1 trình bày:* Phần đất tranh chấp không thuộc quỹ đất công ích. Đây là đất thuộc UBND xã VBB quản lý từ năm 1995 đến nay. Khu đất này không cấp quyền sử dụng cho người dân, hiện nay UBND xã VBB quản lý và có quy hoạch xây dựng chợ, sẽ tiến hành thu hồi theo quy định của Luật Đất đai hiện hành.

2. *NLQ5 trình bày:* Thống nhất theo lời trình bày và quyết định của ông C.

3. *NLQ6 trình bày:* Trước đây căn nhà này của NLQ2, khi NLQ2 thiếu nợ nên bàn giao căn nhà cho ấp giữ để giải quyết nợ cho NLQ2. Do NLQ2 thiếu nợ ông S (Cha ông Th) nên khi hay tin NLQ2 bỏ đi, ông Th đến khóa cửa nhà NLQ2 lại. NLQ6 có bàn với ông C là ấp chưa có trụ sở hoạt động nên kêu ông C cho mượn tiền trả cho ông S để lấy căn nhà làm trụ sở, sau này sẽ xin kinh phí xã để trả lại. Nhưng đến nay vẫn chưa trả được tiền cho ông C.

4. *NLQ4 trình bày:* Trước đây NLQ2 có thiếu ông S vốn 6.850.000 đồng, khi NLQ2 bỏ đi thì NLQ4 đến khóa cửa nhà NLQ2 lại. Ông C có đến bàn bạc với NLQ4 việc lấy căn nhà làm trụ sở và trả tiền lại cho ông S. Thấy việc lấy nhà làm trụ sở là việc chung nên NLQ4 đồng ý nhận lại tiền vốn là 6.800.000 đồng, cho 50.000 đồng. Còn tiền lãi thì ông C không có tính, động viên bỏ chỉ lấy vốn. Từ đó NLQ4 và ông S không liên quan gì đến nhà của NLQ2 nữa. NLQ4 không biết nguồn tiền ở đâu nhưng do ông C trực tiếp mang lại trả cho ông S có sự chứng kiến của NLQ4.

5. *NLQ2 trình bày:* Khoảng năm 1987 – 1988, ông ở tỉnh An Giang xuống ấp HH sinh sống, khi xuống ông có mua 01 căn nhà gắn liền với đất để sinh sống. Năm 1992, NLQ2 do làm ăn không có hiệu quả nên ông thiếu nợ và bỏ địa phương đi có để lại 01 căn nhà cây, lá và 01 nền nhà. Tài sản trong nhà có 02 tủ thuốc, 06 cái ghế dài, 01 bộ ly quăng, 01 bàn chữ U, 01 bộ cửa lá xách. NLQ2 giao nhà, đất và tài sản cho Ban lãnh đạo ấp HH (cụ thể là ông V, ông C) quản lý để xử lý nợ dùm cho ông. Sau này ông nghe nói ông C đã xuất tiền ra để trả nợ NLQ4 dùm cho ông, sau đó dùng nhà đất làm trụ sở ấp HH. Nay nếu không làm trụ sở nữa thì đất này phải là của ông C.

6. *NLQ3 trình bày:* Thống nhất lời trình bày của NLQ2.

7. *NLQ7 trình bày*: Năm 2015 - 2016, NLQ1 và UBND xã VBB có giao cho NLQ7 đầu tư xây dựng chợ xã VBB. Khi được bàn giao mặt bằng, Công ty có tiến hành xây dựng phần đất đồ nền, làm đường đi vào chợ. Khi được giao phần đất này thì chỉ có trụ sở đã cũ không sử dụng gì được và không có bất cứ tài sản gì khác. Việc thi công chợ chưa hoàn thành thì bị ngừng tiến độ, do việc Ủy ban giao xây dựng chợ không qua đấu thầu là chưa đúng quy định. Do đó, phải ngừng và thực hiện đấu thầu lại, hiện nay chưa đấu thầu xong nên chưa biết Công ty nào sẽ trúng thầu. Trường hợp NLQ7 tiếp tục trúng thầu thì sẽ xây dựng nhưng nếu đất này thuộc về ông C hay Ủy ban thì NLQ7 sẽ yêu cầu sau, không yêu cầu gì trong vụ án này.

*** Tại Bản án số 01/2021/DSST, ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định**: Không chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Lê Thành C đối với Ủy ban nhân dân xã VBB. Ngoài ra, còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và bảo quyền kháng cáo theo quy định.

*** Ngày 13/01/2021 ông Lê Thành C kháng cáo với nội dung**: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND xã VBB phải bồi thường số tiền là 631.000.000đ, gồm có những tài sản sau: quyền sử dụng đất là 500.000.000đ, nền bê-tông là 25.000.000đ, Nhà cột cây tràm lợp tôn là 25.000.000đ, dưng bằng lá xé là 5.000.000đ, 01 bộ cửa bằng cây thao lao 15.000.000đ, tủ gỗ cây thao lao là 30.000.000đ, ghé đai gỗ cây thao lao là 6.000.000đ và bộ đi-văng (ly quăng được dùng như giường nằm) bằng gỗ cây tràm biển là 15.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- *Nguyên đơn trình bày*: Sau khi cho NLQ6 mượn tiền thì không thấy trả lại, nên sau đó ông có gặp NLQ6 để đòi lại số tiền; Khi ông giao tiền thì không có ý kiến chỉ đạo của Ủy ban xã, cũng không có làm tờ trình hay báo cáo với Ủy ban xã về số tiền này; Ban lãnh đạo ấp cũng không có làm biên bản bàn giao tài sản của NLQ2 lại cho ông C; Tài sản trên đất hiện nay không còn.

- *Bị đơn trình bày*: NLQ6 mượn tiền nhưng không có báo cáo hoặc làm tờ trình để xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban xã; Đất do Nhà nước quản lý, nên việc các bên chỉ “mua-bán” tài sản trên đất chứ không được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hiện nay tài sản trên đất không còn, còn nền nhà thì được quy hoạch làm đường đi vào chợ.

- *Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C trình bày*: Hiện nay các đương sự đều còn sống, NLQ2 cũng có ý kiến là ai trả tiền thì giao tài sản cho người đó, căn nhà của NLQ2 được làm trụ sở ấp nhưng quyền lợi của

ông C không được giải quyết là thiệt thòi cho ông C, chưa xác minh các vị lãnh đạo của xã tại thời điểm đó xem ý kiến thế nào...do chưa làm rõ nhiều vấn đề nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- *Ý kiến của trợ giúp viên, trợ giúp pháp lý cho ông C trình bày:* Chưa lấy ý kiến các vị lãnh đạo của xã trước đây; Chưa làm rõ trước đây cơ quan thanh tra có giải quyết yêu cầu của ông C như thế nào, NLQ2 giao tài sản để trả nợ nhưng khi ông C bỏ tiền trả nợ mà không được nhận tài sản...do còn nhiều vấn đề chưa làm rõ nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, các đương sự thống nhất với kết quả đo đạc, xem xét tại chỗ và kết quả thẩm định giá. Mặc dù kết quả thẩm định giá đã quá thời hạn, nhưng do giá trị không có thay đổi chênh lệch, nên yêu cầu cấp phúc thẩm lấy làm cơ sở tiếp tục giải quyết mà không yêu cầu thẩm định giá lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do kháng cáo của ông Lê Thành C không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST, ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Do NLQ7 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; NLQ1, NLQ6, NLQ3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc xét xử vắng mặt những người liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Do đó vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án như sau:*

Tài sản tranh chấp được xác định là: Quyền sử dụng đất có diện tích 105,5m² và tài sản trên đất nhưng hiện nay căn nhà và các tài sản khác không còn tồn tại trên đất - BL 229. Đất từ trước đến nay do UBND xã VBB quản lý nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai (*giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đây được viết tắt là giấy CNQSD đất*). Căn cứ theo Tờ

trích đo địa chính số TĐ 199-2019, ngày 24/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Đất tọa lạc tại ấp HH, xã VBB, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Theo kết quả thẩm định giá ngày 02/12/2020 của Công ty TNHH Thẩm định giá và tư vấn EOI-Việt Nam (EOI), tài sản có giá trị là 464.200.000đ. Do các đương sự thống nhất dùng làm cơ sở giải quyết vụ án và không yêu cầu đo đạc, xem xét thẩm định lại nên cấp phúc thẩm dùng làm cơ sở giải quyết vụ án.

Về nguồn gốc tài sản như sau: Tài sản căn nhà là của NLQ2, vào năm 1992 do không có khả năng trả nợ, nên NLQ2 bỏ nhà đi đồng thời viết giấy “Tờ giao tài sản, ngày 09/5/1992” nội dung: *Vì NLQ2 nợ tiền ông S (cha của NLQ4) và không trả nổi, nên giao tài sản là nhà đất và 01 số tài sản khác gồm 02 tú thuốc bằng cây thao lao, bàn chữ U và 06 ghế dài bằng cây thao lao, 01 cái đi-văng bằng tràm Đà Lạt. NLQ2 giao lại và nhờ chính quyền ấp HH quản lý số tài sản để trả nợ cho ông S (NLQ4) (BL 25);*

Sau khi NLQ2 giao lại tài sản thì NLQ6 đang công tác tại ấp HH có mượn tiền của ông C 6.800.000 đồng (đã được giảm 50.000 đồng) để trả nợ cho ông S, mục đích giữ lại căn nhà để làm Trụ sở ấp sau đó sẽ xin tiền ngân sách của UBND xã để trả lại cho ông C và được ông C đồng ý cho mượn. Tuy nhiên, NLQ6 mượn tiền nhưng không có sự chỉ đạo cũng như không có sự đồng ý của UBND xã VBB. Thực tế từ năm 1992 căn nhà trên đất được sửa chữa nhiều lần để sử dụng làm trụ sở ấp, cho đến năm 2015 thì căn nhà hư hỏng nặng nên bị dỡ bỏ, còn nền đất thì được quy hoạch dùng làm đường đi vào chợ.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Thành C thấy rằng: Thực tế vào năm 1992, ông C có cho NLQ6 đang công tác tại ấp HH mượn tiền để trả nợ thay cho NLQ2. Đối với tài sản là căn nhà của NLQ2 thì NLQ2 giao lại cho chính quyền ấp quản lý và trả nợ thay. Như vậy, không có sự thỏa thuận nào giữa NLQ2 với ông C về việc chuyển nhượng tài sản, cũng như không có cam kết nào từ UBND xã VB sẽ hoàn trả lại cho ông C số tiền mà NLQ6 đã mượn. Hơn nữa, phần đất từ trước đến nay chưa được công nhận quyền sử dụng cho ai mà đến nay vẫn do UBND xã quản lý. Còn đối với các tài sản trên đất là căn nhà, cửa, ghế, đi-văng (loại dùng như giường để nằm, bằng gỗ)...thì NLQ2 giao cho ấp HH quản lý, không phải giao cho ông C và cũng không có thỏa thuận giao cho người bỏ tiền ra trả nợ thay, nên tài sản này chưa được chuyển giao quyền sở hữu cho ông C. Như vậy, việc chính quyền ấp HH làm mất hoặc hư hỏng tài sản mà không chứng minh được tài sản đã dùng vào việc trả nợ thay cho NLQ2, thì quyền lợi của NLQ2 bị ảnh hưởng chứ không phải quyền lợi của ông C, vì NLQ2 chỉ giao cho ấp HH quản lý tài sản để trả nợ thay mà không có thỏa thuận nào khác. Thực tế thì chính quyền ấp HH là người trực tiếp sử dụng, quản lý tài sản của

NLQ2 từ trước đến nay. Do đó, việc ông C yêu cầu UBND xã VBB trả quyền sử dụng đất và bồi thường tài sản là không có cơ sở, do sổ tài sản này ông C chưa được xác lập quyền sở hữu, sử dụng theo quy định pháp luật. Hơn nữa, theo quy định của Luật Đất đai năm 1987 thì Nhà nước nghiêm cấm việc “mua, bán” quyền sử dụng đất, cho nên việc ông C cho rằng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của NLQ2 là không phù hợp với quy định. Mặt khác, theo sơ đồ 14 thì phần đất được thể hiện là “Chợ”, trong khi ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông C đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, nên yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ theo quy định tại các điều 166 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, đối với số tiền ông C đã cho mượn đến nay ông C vẫn chưa thu hồi lại được. Vì vậy, ông Công có quyền khởi kiện “đòi tài sản là tiền” theo trình tự vụ án dân sự khác.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên kháng cáo của ông C là không có cơ sở; Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy án của Luật sư và trợ giúp viên bảo vệ quyền lợi cho ông C. Thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

[5] *Về chi phí đo đạc và thẩm định giá:* Ông Lê Thành C phải chịu.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:* Ông C được miễn nộp do thuộc trường hợp “người cao tuổi” theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do ông C trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 166, 589 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thành C;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST, ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành C đối với Ủy ban nhân dân xã VBB về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất, đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

2. *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định 3.900.000 đồng (lần 1) và 3.300.000 đồng (lần 2); Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 746.000 đồng. Do ông C yêu cầu không được chấp nhận nên phải chịu chi phí này và đã nộp xong.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm*: Ông Lê Thành C được miễn toàn bộ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân